

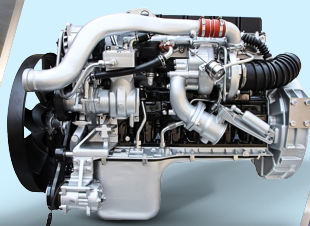
Xe đầu kéo

TH7 **DELUXE**

**NÂNG TẦM TRẢI NGHIỆM
XỨNG TẦM ĐẦU TƯ**



Cabin TH7 rộng rãi, siêu êm ái với 4 bóng hơi, độ ồn dưới 52dB cùng thiết kế Full LED hiện đại, tối ưu khí động học tiết kiệm nhiên liệu



Động cơ MAN MC11 kết hợp hộp số mô-men xoắn lớn, cầu MAN và khung gầm MAN-TGA giúp xe mạnh mẽ, ổn định trên mọi cung đường.



Trang bị màn hình 12.3 inch tích hợp Camera 360, Smart-key, Cruise Control, CarPlay, ghế hơi, vô lăng đa chức năng... mang đến trải nghiệm lái hiện đại và tiện nghi.

HOWO  **VIMIO**

MÀU SẮC



TRANG BỊ NỔI BẬT

NGOẠI QUAN XUẤT SẮC



- ✔ Cabin đầu cao 2 giường mang thiết kế MAN-ĐỨC hiện đại, cứng cáp với mặt ga lăng chữ V mạ crom nổi bật, tạo diện mạo mạnh mẽ và khác biệt.
- ✔ Cụm đèn Full LED nguyên khối cho khả năng chiếu sáng vượt trội, kết hợp gương chỉnh điện 4 chiều tích hợp sấy gương giúp vận hành an toàn trong mọi điều kiện.
- ✔ Hệ thống treo cabin 4 bóng hơi cùng thiết kế khí động học tối ưu mang lại cảm giác vận hành êm ái, ổn định và tiết kiệm nhiên liệu trên đường dài.

NỘI THẤT SANG TRỌNG



- ✔ Cabin sàn phẳng thiết kế theo tiêu chuẩn MAN-ĐỨC, nội thất hiện đại, rộng rãi với 2 giường nằm êm ái, tối ưu trải nghiệm đường dài.
- ✔ Trang bị màn hình cảm ứng 12.3 inch tích hợp Camera 360, màn hình LCD hiển thị thông tin vận hành cùng vô lăng đa chức năng phong cách thể thao.
- ✔ Ghế hơi cao cấp cho cả ghế lái và ghế phụ, nhiều khoang chứa đồ, cửa sổ trời, ổ điện 220V cùng các tiện ích nghỉ ngơi giúp hành trình thoải mái hơn mỗi ngày.

XE ĐẦU KÉO TH7 DX 460 CẦU LẤP

Kiểu loại xe	
Loại phương tiện (Vehicle's type)	Ô TÔ ĐẦU KÉO
Nhãn hiệu (Trade mark)	CNHTC
Mã kiểu loại (Model code)	ZZ4257W344HE1B
Công thức bánh xe (Drive configuration)	6x4
Khối lượng (mass) (*)	
Khối lượng bản thân (Kerb mass) (kg)	9600
Khối lượng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. pay mass: Designed/Authorized) (kg)	15270/14270
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. total mass: Designed/Authorized) (kg)	25000/24000
Khối lượng kéo theo TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. towed mass:Designed/Authorized) (kg)	39200/38270
Số người cho phép chở, kể cả người lái (Passenger capacity including driver) (người)	02 người (130 kg)
Kích thước (Dimensions) (*)	
Kích thước bao : Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H) (mm)	6920 x 2496 x 3940
Kích thước lồng thùng xe/bao ngoài xi téc (Inside dimensions of cargo deck/outside of tank) (mm)	-
Khoảng cách trục (Wheel space) (mm)	3200 + 1400
Vết bánh xe trước (Front track) (mm)	2041
Vết bánh xe sau (Rear track) (mm)	1830
Động cơ (Engine)	
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type)	MC11.46-50 (460Hp) 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, có tăng áp
Loại nhiên liệu (Fuel)	Diesel
Thể tích làm việc (Displacement) (cm3)	10518
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay(Max. engine output/rpm) (kW/rpm)	341/1900
Tiêu chuẩn khí thải (Emission standard)	EURO 5
Hệ thống truyền lực và chuyển động (Transmission system)	
Loại/dẫn động ly hợp (Type/actuation of clutch)	Ma sát/Thủy lực trợ lực khí nén
Ký hiệu/loại/số cấp tiến-lùi/điều khiển hộp số (model/type/number of forward-backward speed/control of gearbox):	HW25712XSTL / Cơ khí/ 12tiền-02lùi /Cơ khí
Vị trí cầu chủ động (Position of drive axles):	TRƯỚC 2+3
Cầu trước (Front axle)	HF VGD71/ 7,1 tấn
Cầu sau (Rear axle)	Cầu Lấp Man, MCJ13JGY, 13 tấn, tỷ số truyền cầu 3.08 hoặc 3.36 hoặc 3.7 hoặc 4.11
Lốp (Tyre)	12R22.5, lốp không sẫm, bố thép
Hệ thống treo (Suspension system)	
Hệ thống treo trước (Front suspension system)	Loại treo phụ thuộc, kiểu nhíp đa lá, có giảm chấn thủy lực, có thanh cân bằng, số lá nhíp 3 lá
Hệ thống treo sau (Behide suspension system)	Loại treo phụ thuộc, kiểu nhíp đa lá, có thanh cân bằng, số lá nhíp 5 lá
Hệ thống lái (Steering system)	
Ký hiệu (model)	Bosch
Loại cơ cấu lái (type)	Trục vít - ê cu bi
Trợ lực (powered)	Cơ khí trợ lực thủy lực
Hệ thống phanh (Brake system)	
Hệ thống phanh chính (Type of braking system):	Khí nén
Loại cơ cấu phanh (service brake)	Tang trống
Thân xe (Body)	
Cabin	TH7 DX, đầu cao, có 2 giường nằm.
Loại thân xe (type of body work)	Khung xe chịu lực, ca bin lật
Loại dây đai an toàn cho người lái (type of driver's seatbelt)	Dây đai 3 điểm
Thiết bị chuyên dùng (Special equipments) (*)	
Loại thiết bị chuyên dùng (Equipments type)	Mâm kéo có khóa hãm
Đơn vị sản xuất (Manufacturer)	JOST
Thể tích, quy cách (Volume, specification)	50# hoặc 90#
Hệ thống thủy lực (Hydraulic system)	-
Khác (Others)	Có ABS, màn hình LCD 12.3 inch, ghế phụ ghế hơi, Cam 360 (*)
Khác	
Màu sắc (Colour)	Màu sắc tùy chọn (xanh, đỏ, trắng, bạc...)
Loại ắc quy/Điện áp-Dung lượng (Type of Battery/Voltage-capacity)	Chì Axit / Ắc quy 2 x 12V/180ah.
Dung tích thùng dầu (Fuel tank capacity)	750L (hoặc 940L) làm bằng hợp kim nhôm
Tiêu hao nhiên liệu (lít/100km) (Fuel consumption)	Tùy theo cung đường và tải trọng

GHI CHÚ: Bảng thông số kỹ thuật trên dựa theo " Giấy Chứng Nhận An Toàn Kỹ Thuật Và Bảo Vệ Môi Trường" của xe.
Mục đánh dấu (*) là mục có thể thay đổi tùy theo thông số khi nhập về!

DỊCH VỤ TẬN TÂM

NÂNG TẦM GIÁ TRỊ



HỆ THỐNG CHUỖI TRẠM 3S VÀ ĐẠI LÝ ỦY QUYỀN

PHỦ SÓNG BẮC NAM

SẴN SÀNG PHỤC VỤ



- | | |
|---------------|---------------|
| ▼ SƠN LA | ▼ QUẢNG BÌNH |
| ▼ LÀO CAI | ▼ HUẾ |
| ▼ THÁI NGUYÊN | ▼ ĐÀ NẴNG |
| ▼ PHÚ THỌ | ▼ QUẢNG NGÃI |
| ▼ BẮC GIANG | ▼ BÌNH ĐỊNH |
| ▼ TÂY HÀ NỘI | ▼ GIA LAI |
| ▼ ĐÔNG HÀ NỘI | ▼ ĐẮK LẮK |
| ▼ HÀ NAM | ▼ LÂM ĐỒNG |
| ▼ NINH BÌNH | ▼ KHÁNH HÒA |
| ▼ HẢI PHÒNG | ▼ HỒ CHÍ MINH |
| ▼ QUẢNG NINH | ▼ BÌNH DƯƠNG |
| ▼ THANH HÓA | ▼ ĐỒNG NAI |
| ▼ NGHỆ AN | ▼ TÂY ĐÔ |

- Hệ thống chuỗi trạm với 22 trạm dịch vụ 3S và đại lý ủy quyền trải dài trên toàn quốc, đảm bảo cung cấp dịch vụ và hỗ trợ nhanh chóng cho khách hàng.
- Mô hình 3S: Sales – Service – Spare Parts, cung cấp giải pháp toàn diện từ bán hàng, dịch vụ đến phụ tùng chính hãng.
- Liên tiếp mở rộng chuỗi trạm dịch vụ để hoàn thành cam kết 100km có một trạm 3S, giúp khách hàng bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa nhanh chóng, thuận lợi.
- Mạng lưới dịch vụ đồng bộ, trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, giúp khách hàng trải nghiệm và sử dụng sản phẩm dịch vụ với chất lượng tốt nhất.

CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU - GIÁ TRỊ DÀI LÂU



Đào tạo, hướng dẫn sử dụng vận hành đầy đủ, giúp khách hàng chủ động bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.



Chăm sóc nhắc lịch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo xe hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả.



Các chương trình tri ân, ưu đãi và thăm khám tận chân công trình nhằm hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng

Bảo hành uy quyền chính hãng đạt tiêu chuẩn quốc tế của SINOTRUK tại Việt Nam



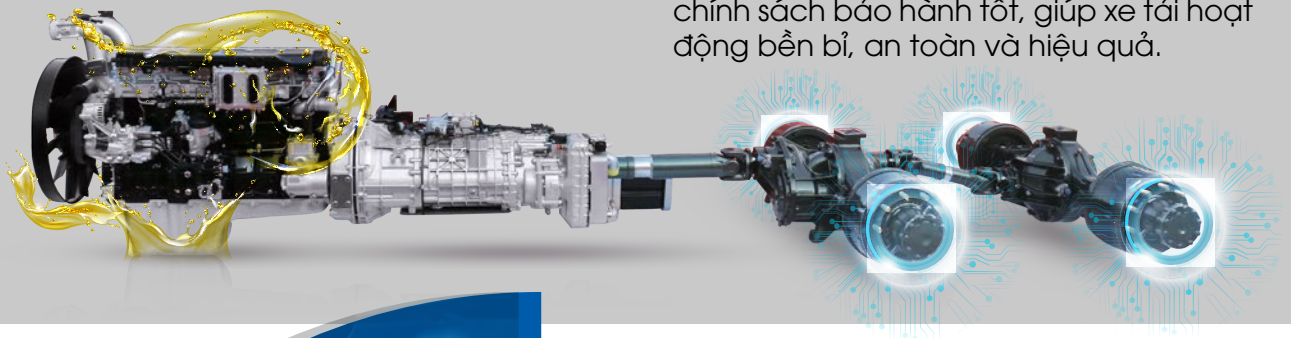
Đội ngũ Cố vấn dịch vụ hỗ trợ tư vấn, xử lý sự cố trong quá trình khách hàng sử dụng xe



Dịch vụ cứu hộ 24/7 luôn sẵn sàng hỗ trợ khách hàng mọi lúc, mọi nơi.



PHỤ TÙNG CHÍNH HÃNG BỀN BỈ THỜI GIAN



- Kho phụ tùng đầy đủ sản phẩm chính hãng tại tất cả các trạm 3S trên toàn quốc, đảm bảo cung cấp nhanh chóng không gián đoạn quá trình sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng...
- Phụ tùng chính hãng chất lượng cao, chính sách bảo hành tốt, giúp xe tải hoạt động bền bỉ, an toàn và hiệu quả.

ĐỘI NGŨ KỸ THUẬT VIÊN GIỎI CHUYÊN MÔN VỮNG TAY NGHỀ TẬN TÂM PHỤC VỤ

- Được đào tạo bài bản theo tiêu chuẩn của tập đoàn Sinotruk và các chuyên gia đầu ngành.
- Thường xuyên tham gia các khóa huấn luyện nâng cao kỹ năng, cập nhật công nghệ mới nhất.
- Kinh nghiệm thực tế phong phú, xử lý nhanh chóng mọi sự cố từ đơn giản đến phức tạp.
- Cam kết thời gian sửa chữa tối ưu, giúp khách hàng tiết kiệm chi phí vận hành.
- Thái độ làm việc chuyên nghiệp và tận tâm: giúp nâng cao trải nghiệm dịch vụ cho khách hàng



CÁC SẢN PHẨM DỊCH VỤ CỦA VIMID

- 01 Dịch vụ bảo dưỡng xe trước khi xuất xưởng, bảo dưỡng lần đầu
- 02 Dịch vụ gói bảo dưỡng tùy chọn với từng loại xe
- 03 Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tại xưởng
- 04 Dịch vụ gia hạn thời gian bảo hành xe
- 05 Dịch vụ sửa chữa lưu động tại chân công trình
- 06 Dịch vụ cứu hộ cho xe gặp sự cố trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam
- 07 Dịch vụ đại tu, trung tu xe cũ
- 08 Các dịch vụ gia tăng khác (Camera hành trình, GPS, dịch vụ đăng ký đăng kiểm, các gói bảo hiểm xe, vay vốn ngân hàng...)

VIMID

GIẢI PHÁP VẬN TẢI TOÀN DIỆN